

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

Số: 21 /2020/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 5 năm 2021-2025

SỞ TƯ PHÁP BẾN TRE

ĐẾN Số:H.510.....
Ngày: ..12.20.....

Chuyên:

Số và ký hiệu ~~Căn cứ Luật~~

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 19

Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;
Xét Tờ trình số 6169 /TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 5 năm 2016-2020 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Báo cáo số 510/BC-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; trong đó nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; ưu tiên nguồn lực phát triển tỉnh Bến Tre về hướng Đông; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và giảm nghèo bền vững. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; tăng cường hợp tác, liên kết phát triển; tích cực, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2025, Bến Tre trở thành tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 8,5%-9,5%. Trong đó: Khu vực I tăng 4%-4,7%/năm; khu vực II tăng 15%-17%/năm; khu vực III tăng 7%-8,6%/năm; thuế sản phẩm tăng 14,2%;

b) Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Khu vực I chiếm 26,51%; khu vực II chiếm 26,79%; khu vực III chiếm 42,68%; thuế sản phẩm chiếm 4,02%;

c) GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2025 đạt 87 triệu đồng;

d) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt 35.000 - 40.000 tỷ đồng. Tỉnh và thành phố Bến Tre tự cân đối được 70% chi thường xuyên; các huyện: Châu Thành, Ba Tri, Bình Đại tự cân đối 80% chi thường xuyên (không kể chi sự nghiệp y tế, giáo dục); 20% đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh tự cân đối chi thường xuyên;

đ) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 130.000-140.000 tỷ đồng;

e) Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 10.000 triệu USD;

g) Có 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, mỗi huyện có một xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu, các xã còn lại đạt 15 tiêu chí trở lên; có thêm 05 huyện (Châu Thành, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú, Bình Đại) đạt nông thôn mới, huyện Chợ Lách và thành phố Bến Tre hoàn thành nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới;

h) Tỷ lệ đô thị hoá ít nhất 27%;

i) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP khoảng 35%;

k) Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 1% - 1,5%;

l) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 70%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 35% trở lên;

m) Đạt 33,3 giường bệnh/vạn dân; Đạt 10,48 bác sĩ/vạn dân;

n) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,51% dân số;

o) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị đạt trên 95% và nông thôn đạt 80%; tỷ lệ phân loại rác tại nguồn đạt 70% hộ dân;

p) Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 2%;

q) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt trên 70%;

r) Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 20.000 lao động, trong đó khoảng 2.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

s) Kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; kiểm chế và kiểm soát người nghiện ma túy; kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí; tỷ lệ điều tra, khám phá án hàng năm đạt từ 80% trở lên; tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt từ 90% trở lên;

t) Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,66% so với dân số, trong đó lực lượng tự vệ đạt 60% trở lên. Huấn luyện lực lượng thường trực hàng năm đạt 100%, dự bị động viên đạt 98,5% và dân quân tự vệ đạt 80% trở lên so với tổng lực lượng.

Điều 2. Một số nhiệm vụ chủ yếu thực hiện giai đoạn 2021-2025

1. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 và các Nghị quyết, Đề án, Chương trình, Chỉ thị về phát triển kinh tế - xã hội cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội.

2. Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và các công trình, dự án trọng điểm ngay từ đầu nhiệm kỳ để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, với một số nhiệm vụ cần tập trung như sau:

a) Hoàn thành và triển khai Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối, gắn với cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển Bến Tre về hướng Đông giai đoạn 2021-2030; tạo ra tiềm năng, lợi thế kinh tế lớn và thế đột phá mới trong việc huy động nguồn nội lực và nguồn lực từ bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chú trọng cải cách thủ tục hành chính, quyết tâm phấn đấu nâng hạng Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index) của tỉnh qua từng năm để đến năm 2025 thuộc nhóm 20 của cả nước; trong đó, ưu tiên tập trung cao độ vào công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng thành công chính quyền điện tử, hướng tới xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh và ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo tính kết nối, liên thông.

Tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp với thị trường; hỗ trợ kết nối dự án, ý tưởng khởi nghiệp với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư trong và ngoài nước. Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác và thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, ưu tiên những ngành có công nghệ và tạo giá trị gia tăng cao, ít thâm dụng đất và lao động, thân thiện với môi trường.

c) Tập trung triển khai Đề án huy động nguồn lực xã hội phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030. Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp bách, bảo đảm tính đồng bộ, kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tránh dàn trải, lãng phí, tạo đột phá và động lực phát triển kinh tế - xã hội, cũng như phục vụ mục tiêu phát triển về hướng Đông; đặc biệt là đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 tuyến động lực ven biển, các công trình giao thông trọng điểm; đến năm 2025 cơ bản hoàn thành hạ tầng thủy lợi và cấp nước, đảm bảo nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa để thu hút đầu tư các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ, du lịch, logistics, phát triển đô thị.

d) Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030. Nghiên cứu xây dựng và triển khai chính sách đãi ngộ nhân tài; thu hút các nhà khoa học trình độ cao tham gia giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo, đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành, nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực có tay nghề, kỹ năng phục vụ phát triển các lĩnh vực, ngành nghề mới của tỉnh theo định hướng phát triển về hướng Đông. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ nhằm tăng cường năng lực tiếp cận công nghệ 4.0, tạo đột phá trong đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp. Hoàn thành thủ tục, triển khai xây dựng cơ sở vật chất và đưa vào hoạt động trường Đại học tại Bến Tre là thành viên của Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; củng cố, nâng cấp Trường Cao Đẳng Bến Tre thành cơ sở đào tạo nghề đa ngành, đa cấp, có uy tín khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

đ) Thực hiện tốt công tác củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, đảm bảo đồng bộ, tinh gọn, hoạt động hiệu quả; tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 của tỉnh Bến Tre. Thực hiện tốt công tác nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức đúng thực chất; bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm, phát huy tối đa năng lực, sở trường công tác; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Tiếp tục triển khai phương án sắp xếp các đơn vị hành chính, chú trọng thực hiện các giải pháp ổn định tổ chức bộ máy sau sáp nhập. Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thành lập mới các phường, thị trấn, thị xã trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển đô thị, hướng đến xây dựng chính quyền đô thị tại các địa bàn đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

e) Đẩy mạnh các hoạt động giáo dục phát triển con người toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương; phát huy tinh thần “Đồng Khởi mới” trong học tập, lao động. Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đảm bảo các điều kiện đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của xã hội theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống cho học sinh; thực hiện có hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông.

Chú trọng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; kết hợp phát triển dịch vụ khám chữa bệnh phổ cập với phát triển kỹ thuật cao, y tế chuyên sâu; giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập; có cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ y, bác sĩ giỏi về làm việc tại các cơ sở y tế công lập của tỉnh. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh, ứng phó kịp thời với mọi tình huống; thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục sức khỏe và dân số; duy trì mức

sinh hợp lý, đảm bảo quy mô và cơ cấu dân số cho phát triển kinh tế - xã hội lâu dài; nâng cao sức khỏe, tâm vóc, thể lực người dân Bến Tre; tổ chức tuyên truyền, giáo dục và vận động Nhân dân thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao hiệu quả bảo hiểm y tế, đẩy mạnh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

Tập trung triển khai Nghị quyết xây dựng con người Bến Tre phát triển toàn diện, thân thiện, năng động, gia đình hạnh phúc - tiến bộ; thường xuyên giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống, nâng cao lòng tự hào dân tộc, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân đối với gia đình và xã hội. Xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh; nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, phát huy mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, sự gắn kết, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt việc tôn vinh các cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc gắn với danh hiệu Công dân Đồng Khởi và Công dân Đồng Khởi danh dự. Giữ gìn tài nguyên văn hóa bản địa của tỉnh cho thế hệ sau và khuyến khích sáng tạo giá trị văn hóa mới.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; quan tâm trùng tu, tôn tạo các di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển các loại hình nghệ thuật cổ truyền đặc sắc, văn hóa dân gian, nghề thủ công truyền thống, lễ hội tiêu biểu nhằm giáo dục truyền thống và thu hút du khách; xây dựng khung chương trình nghệ thuật mẫu phù hợp tại Di tích Quốc gia đặc biệt Mộ và Khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu, Di tích Quốc gia đặc biệt Đồng Khởi, Khu lưu niệm Nữ tướng Nguyễn Thị Định, Khu lưu niệm Nguyễn Sinh Sắc gắn với phát triển du lịch. Chú trọng đầu tư một số môn thể thao thể mạnh, nâng cấp các thiết chế thể thao các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu thi đấu trong nước và quốc tế cũng như nhu cầu tập luyện thể thao cho người dân; phát triển môn bóng đá nam, từng bước hướng tới thi đấu chuyên nghiệp.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách và làm tốt công tác người có công với cách mạng; rà soát, tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”; vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ nhà ở, việc làm và chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công và thân nhân.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; đa dạng các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; đổi mới hình thức liên kết giữa cơ sở dạy nghề và các doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm; tập trung giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và mở rộng thị trường lao động, nhất là thị trường ngoài nước, có thu nhập cao và an toàn.

Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, dự án về giảm nghèo; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức tự vươn lên thoát nghèo; tiếp tục hỗ trợ hộ nghèo phát triển sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, tăng cơ hội tiếp cận chính sách. Vận động các nguồn lực để đầu tư hỗ trợ, tạo sinh kế cho người nghèo; đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các xã có điều kiện

kinh tế - xã hội khó khăn. Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; thực hiện công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, tổ chức các hoạt động hỗ trợ, xúc tiến và lồng ghép giới trong quá trình xây dựng chính sách, chương trình, dự án; xây dựng và phát triển dịch vụ tư vấn, hỗ trợ thực hiện hoạt động về bình đẳng giới.

g) Triển khai Nghị quyết về xây dựng vùng sản xuất tập trung, gắn với phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; tập trung xây dựng nguồn nguyên liệu dừa và nguyên liệu thủy sản sạch gắn với chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; tăng cường kiểm soát, quản lý chất lượng cây - con giống; thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao để nâng cao chất lượng giống nông nghiệp. Hoàn thiện và triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Bến Tre đến năm 2030. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ vào sản xuất; nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, phù hợp với định hướng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; trong đó, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn thực phẩm và tăng cường bảo quản sau thu hoạch; phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết, hợp tác, tiêu thụ gắn với du lịch.

Tăng cường các giải pháp quản lý nhà nước, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên các lĩnh vực sản xuất; xây dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu nông sản uy tín, chất lượng; có cơ chế chính sách phát huy giá trị sản xuất trong vùng chỉ dẫn địa lý, thực hành nông nghiệp tốt, an toàn, hữu cơ nhằm khuyến khích xã hội tham gia sản xuất sạch. Tập trung củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, phát triển hợp tác xã đủ mạnh, đủ sức liên kết với doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm của tỉnh.

Tập trung xây dựng nông thôn mới trên nền phát triển nông nghiệp bền vững, phát triển kinh tế nông thôn; xây dựng khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, phát triển nông thôn với đô thị; xây dựng cộng đồng nông thôn đoàn kết, phát triển và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; huy động lồng ghép các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2020-2025 làm nền tảng vững chắc để tiến tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Phát triển nhanh lĩnh vực công nghiệp, trong đó tập trung công nghiệp chế biến và năng lượng; triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp chủ lực, lực lượng doanh nghiệp của tỉnh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030; tập trung phát triển công nghiệp năng lượng sạch (điện gió, mặt trời, điện khí), chế tạo, phụ trợ, dược - y sinh, chế biến thủy sản và công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn; quan tâm đôn đốc và hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ triển

khai đầu tư các dự án điện gió đã được phê duyệt; phấn đấu đến năm 2025 phát triển ít nhất 1.500 MW điện tái tạo, chuẩn bị các điều kiện triển khai đầu tư dự án Điện khí hóa lỏng (LNG) tại Bến Tre, đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng lưới điện truyền tải 110 kV, 220 kV kết nối địa bàn 3 huyện biển. Huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng công nghiệp, ưu tiên đầu tư, đưa vào khai thác Khu công nghiệp Phú Thuận vào năm 2021, hỗ trợ đầu tư hạ tầng các Cụm công nghiệp: Phú Hưng, Phong Năm, Thị trấn - An Đức và Tân Thành Bình; chuẩn bị điều kiện để triển khai các khu công nghiệp theo định hướng phát triển về hướng Đông; có cơ chế hỗ trợ vốn để mỗi huyện triển khai đầu tư ít nhất một cụm công nghiệp nhằm tạo năng lực sản xuất mới; đồng thời nghiên cứu chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu theo chuỗi giá trị, nhất là các chuỗi nông sản chủ lực của tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị và tham gia vào chuỗi giá trị cung ứng quốc gia và toàn cầu.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu hàng hóa; khai thác có hiệu quả thị trường trong nước, giữ vững thị trường truyền thống và thâm nhập tốt các thị trường khó tính; tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh cá thể phát triển; tích cực thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, ưu tiên vùng nông thôn; quan tâm hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa; duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển mới 5.000 doanh nghiệp và 100 doanh nghiệp dẫn đầu để liên kết, dẫn dắt đội ngũ doanh nghiệp của tỉnh hội nhập sâu, mạnh vào thị trường khu vực và quốc tế; tăng nhanh các sản phẩm xuất khẩu qua chế biến sâu, có hàm lượng công nghệ cao. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về lợi ích của thương mại điện tử đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh; vận hành hiệu quả Sàn giao dịch thương mại điện tử đặc sản Bến Tre. Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, kịp thời xử lý hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, trốn thuế, buôn lậu, gian lận thương mại.

Nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng tiện ích và hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân; chủ động nguồn vốn cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh và tiêu dùng, nhất là ưu tiên cho các lĩnh vực theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi, chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn vay và cho vay phục hồi sản xuất gắn với an toàn tín dụng; đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ để phục vụ tốt chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt.

Hoàn thiện hạ tầng viễn thông, hạ tầng kết nối trực liên thông phục vụ cho việc xây dựng thành phố thông minh tại địa phương; xây dựng kế hoạch phát triển lĩnh vực viễn thông phù hợp với Quy hoạch tỉnh. Triển khai phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bến Tre, các phương án đảm bảo an toàn mạng lưới và an ninh thông tin, đảm bảo tuyệt đối an toàn thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp.

Tổ chức triển khai Đề án phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030, Đề án Làng Văn hóa Du lịch Chợ Lách, Đề án Làng Dừa huyện Mỏ Cày Nam; ưu tiên thu hút nguồn lực thực hiện Đề án Phát triển du lịch xã Thạnh Phong, Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú đến năm 2030; phát triển du lịch biển Bình Đại, Ba Tri kết hợp với du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng huyện Châu Thành. Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng xã hội du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư và du khách. Liên tục đổi mới sản phẩm du lịch, khuyến khích phát triển mô hình du lịch an toàn trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp; đồng thời xây dựng sản phẩm đặc thù, thương hiệu du lịch tạo “sức hấp dẫn, độc đáo, đặc sắc riêng có” của Bến Tre; đổi mới công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ du lịch thông minh; tăng cường liên kết du lịch vùng; tập trung khai thác tốt các loại hình du lịch mới kết hợp với du lịch truyền thống; phát huy lợi thế về địa lý để thu hút đầu tư phát triển mạnh du lịch sinh thái, biển, giải trí - nghỉ dưỡng, nông nghiệp (sông nước miệt vườn), tâm linh.

Tập trung triển khai Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp và nông thôn mới; tập trung nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyển đổi số tỉnh Bến Tre với trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi một số ngành trọng điểm, phát triển lao động số. Ưu tiên ngân sách và kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ, phát triển các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong các ngành, địa phương.

h) Phối hợp thực hiện tốt các hoạt động hợp tác liên kết vùng, tiểu vùng và đối ngoại; đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Bến Tre với các tỉnh, thành phố đi vào chiều sâu. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế trong mọi lĩnh vực; thực hiện có trách nhiệm các cam kết đã ký kết với đối tác; chủ động khai thác tối đa các cơ hội trong quá trình hội nhập, nhất là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Tăng cường xúc tiến đầu tư, liên kết hợp tác, tận dụng cơ hội thuận lợi, thu hút các nguồn vốn ODA, NGO, FDI.

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Tập trung lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp tỉnh gắn với định hướng phát triển về hướng Đông. Triển khai các giải pháp tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư; có kế hoạch quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả đất công, công ích, bãi bồi, tài nguyên cát; quan tâm các cơ chế, chính sách giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện chiến lược phát triển về hướng Đông. Tăng cường các hoạt động tái chế, tái sử dụng rác thải; nhân rộng các mô hình giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao ý thức người dân về chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn; tập trung triển khai Chương trình quản lý, đảm bảo an ninh nguồn nước, nguồn cấp nước ngọt thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2020-2030; lồng ghép các yếu tố phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế xã hội. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học vùng bờ.

Tập trung thực hiện tái cơ cấu đầu tư công; ưu tiên nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm và định hướng phát triển Bến Tre về hướng Đông; đồng thời tích cực thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Tổ chức triển khai Đề án xây dựng phát triển hạ tầng giao thông và dịch vụ logistics phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, nhất là tuyến giao thông trọng điểm, nâng cấp một số tuyến đường tỉnh, đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch. Kêu gọi đầu tư cảng biển nước sâu, cảng trung chuyển hàng hóa phục vụ hoạt động logistics.

Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển đô thị tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, phát triển các đô thị trung tâm, đô thị đa chức năng ven sông, ven biển, các điểm dân cư nông thôn tập trung và các đô thị lấn biển. Tập trung triển khai xây dựng các tiêu chuẩn đô thị loại I đối với thành phố Bến Tre, tiêu chuẩn đô thị loại III (các thị trấn mở rộng Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày), tiêu chuẩn đô thị loại IV (thị trấn Thạnh Phú, Chợ Lách). Hoàn thành công nhận 08 đô thị loại V đối với các trung tâm xã: Thới Thuận, Châu Hưng (huyện Bình Đại); Tân Phú (huyện Châu Thành); Phước Long (huyện Giồng Trôm); Phú Phụng (huyện Chợ Lách); An Định (huyện Mỏ Cày Nam); Tân Phong (huyện Thạnh Phú), Tân Thành Bình (huyện Mỏ Cày Bắc). Đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển đô thị; thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, ổn định.

i) Triển khai thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và Chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn ma túy giai đoạn 2020-2025. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh; chú trọng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục Nhân dân, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội và khát vọng phát triển tỉnh nhà, nhất là tuyên truyền ngư dân ý thức bảo vệ chủ quyền biển và biên giới biển, hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng tàu cá, ngư dân đánh bắt hải sản vi phạm chủ quyền vùng biển nước ngoài.

Chủ động nắm bắt tình hình và xử lý tốt các vấn đề an ninh phi truyền thống; kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hoá mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; tập trung đấu tranh quyết liệt đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, tín dụng đen; hạn chế đến mức

thấp nhất phạm pháp hình sự, kiểm soát tình hình khiếu kiện đông người; tăng cường các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kéo giảm tai nạn giao thông trên cả ba mặt. Bảo vệ tuyệt đối an toàn trong thời gian tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại tồn đọng, kéo dài và những vấn đề bức xúc của công dân theo đúng quy định pháp luật, không để ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng đa dạng hóa các phương thức, loại hình phù hợp đặc điểm từng đối tượng, địa bàn, lĩnh vực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

k) Quản lý, điều hành tài chính - ngân sách chủ động, linh hoạt, hiệu quả; cơ cấu lại ngân sách địa phương theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa, chi đầu tư phát triển và giảm chi thường xuyên. Thực hiện đồng bộ các giải pháp chống thất thu thuế, nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu mới, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời; chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nợ đọng thuế, trốn thuế, chuyển giá. Thực hiện hiệu quả các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường tự giám sát về phòng chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; bảo vệ và khen thưởng kịp thời người phát hiện, tố cáo tham nhũng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch, giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

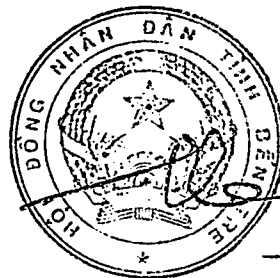
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Báo Đồng Khởi; Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh; Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *vt*

CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi